

Bộ, tỉnh: **Bộ Y tế**

Cơ quan quản lý cấp trên: **Bộ Y tế**

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: **Viện Sốt rét-KST-CT Quy Nhơn**

Mã đơn vị: **1057544**

Loại hình đơn vị: **Hành chính sự nghiệp**

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2019

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (ngàn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Máy móc, thiết bị văn phòng										Đã thực hiện xong (bán đầu giá)					Phươn g thức bán đầu giá: bán một lần cả lô
1	Bộ bàn làm việc Hòa Phát	10.350		0		x										
2	Bộ máy chiếu Sony VPL CX 21 (sony/japan)	20.808		0		x										
3	Hệ thống báo cháy tự động (cơ sở 2)	148.200		0		x										
4	Máy bơm chữa cháy	25.900		0		x										
5	Máy bơm nước và sinh hoạt chữa cháy (01-06)	10.442		0		x										
6	Máy chiếu đa năng Sony CX 76 - Treo trần nhà (01-06)	70.125		0		x										
7	Máy chiếu đa năng Sony CX 76 treo trần nhà (01-06)	39.219		0		x										
8	Máy chủ Compaq Server ProLiant ML 350 (EC)	44.550		0		x										
9	Máy chụp ảnh KTS	11.620		0		x										
10	Máy chụp ảnh KTS Canon	15.273		0		x										
11	Máy điều hòa nhiệt độ loại đặt sàn (01-06)	186.595		0		x										
12	Máy điều hòa nhiệt độ National - A 181-KH (EC)	84.139		0		x										
13	Máy điều hòa nhiệt độ Toshiba	35.500		0		x										
14	Máy điều hòa Toshiba 18KV	25.600		0		x										
15	Máy điều hòa Toshiba nhật	37.679		0	1	x										
16	Máy điều hòa Toshiba Nhật	25.119		0		x										

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (nghì đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú		
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh h lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ				
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
17	Máy điều hòa Toshiba Nhật	25.119		0		x												
18	Máy điều hòa Toshiba Nhật (18000BTU)	49.184		0		x												
19	Máy lạnh Toshiba 12.000BTU 1,5HP, khối (01-06)	83.244		0		x												
20	Máy lạnh Toshiba 18	24.960		0		x												
21	Máy lạnh Toshiba 18 UKPX	11.364		0		x												
22	Máy lạnh Toshiba 18 UKX	11.000		0		x												
23	Máy lạnh Toshiba 18.000BTU, 2HP, 2 khối (01-06)	278.486		0		x												
24	Máy lạnh Toshiba 18KV	25.000		0		x												
25	Máy photo Konica B211 Mb 501	34.730		0		x												
26	Máy photocopy Konica Bihub 210 (01-06)	66.782		0		x												
27	Máy Photocopy Studio 206	24.000		0		x												
28	Máy tính chủ	65.305		0		x												
29	Máy tính chủ	29.450		0		x												
30	Máy tính xách tay	16.820		0		x												
31	Máy vi tính xách tay IBM	31.048		0		x												
32	Máy vi tính xách tay Sony Vaio T9300	34.940		0		x												
33	Máy vi tính xách tay Toshiba L300	11.990		0		x												
34	Máy vi tính xách tay Toshiba L300	11.990		0		x												
35	Salon (1 bàn, 14 ghế, 4 đôn nệm)	22.520		0		x												
36	Ti vi Toshiba	44.000		0		x												
37	Tủ đựng hồ sơ văn thư (KT: 2.8*1.8*0.6m)	13.680		0		x												
II	Máy móc, thiết bị chuyên dùng					x												
1	1 Li tâm + Roto + Adotor (Đức)	27.374		0		x												
2	Bình cách thủy 12 lít JSWB 22t Hàn Quốc (01-06)	10.052		0		x												
3	Bình cách thủy TW 8 Julabo (Đức)	14.244		0		x												
4	Bình đựng Nito (ÚC)	11.705		0		x												
5	Bình lưu giữ mẫu Nittơ lỏng (EC)	15.280		0		x												
6	Bình nito lỏng 26 lít Pháp	23.123		0		x												

[illegible]

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (nghì đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh h lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
33	KHV 2 mắt Olympus Trung Quốc Model CX1 (01-06)	223.573		0		x											
34	Kính hiển vi 2 mắt (01-06)	37.891		0		x											
35	Kính hiển vi 2 mắt (01-06)	88.412		0		x											
36	Kính hiển vi 2 mắt (01-06)	207.138		0		x											
37	Kính hiển vi 2 mắt Olumpus	98.703		0		x											
38	Kính hiển vi 5 người soi (01-06)	227.927		0		x											
39	Kính hiển vi chụp ảnh KTS (01-06)	140.197		0		x											
40	Kính hiển vi đảo ngược (01-06)	47.339		0		x											
41	Kính hiển vi huỳnh quang	222.203		0		x											
42	Kính hiển vi Olympus (2 mắt) CHD Nhật	14.000		0		x											
43	Kính hiển vi Olympus 2 mắt CX21	12.988		0		x											
44	Kính hiển vi Olymus (2 mắt) nhật	14.000		0		x											
45	Kính hiển vi Olumpus CX40 (2 mắt) CHD Nhật	103.500		0		x											
46	Kính hiển vi 1 mắt Olympus Nhật Model CH10 (01-06)	73.781		0		x											
47	Kính hiển vi 2 mắt Olumpus Trung Quốc Model CX 21 (01-06)	29.809		0		x											
48	Kính hiển vi 2 mắt Olumpus trung quốc Model CX 21 (01-06)	29.809		0		x											
49	Kính hiển vi chụp ảnh KTS 2 mắt Olympus CX 41 Philipin (01-06)	69.565		0		x											
50	Kính hiển vi Olumpus 2 mắt	7.184		0		x											
51	Kính hiển vi Olumpus 2 mắt CX 10 Nhật	24.940		0		x											
52	Kính hiển vi Olumpus 2 mắt SZ 40 Nhật	18.873		0		x											
53	Kính hiển vi Olympus + Monitor JVC 14 in	61.480		0	4	x											
54	Kính mô muỗi 2 mắt SZ 61 philippin (01-06)	90.940		0		x											

[illegible]

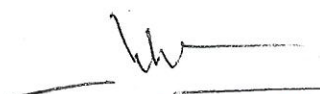
[illegible]

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (nghĩ đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Than h lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
102	Máy li tâm rửa tế bào Hentich Rotolavit Đức (01-06)	149.555		0		x											
103	Máy li tâm T24 Đức (tốc độ Max)	16.659		0		x											
104	Máy li tâm tốc độ cao Jouan (EC)	89.000		0		x											
105	Máy nghiền tế bào Microson XL 2000 mỹ (01-06)	51.148		0		x											
106	Máy PH để bàn vi xử lý HI 120 (Italia)	14.550		0		x											
107	Máy phun hóa chất ULV đeo vai (Cúm H5N1)	41.705		0		x											
108	Máy phun PulsFog K-10 SP	15.155		0		x											
109	Máy phun ULV đeo vai Fontan Portastar	199.650		0		x											
110	Máy quang kế bán tự động Optima SP 300 Nhật (01-06)	12.760		0		x											
111	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV/Vis Thermor-Elecron	242.035		0		x											
112	Máy quang phổ UV/Vis Evolution 100 (01-06)	202.910		0		x											
113	Máy rửa Elisa BW 50 phần Lan (01-06)	73.219		0		x											
114	Máy siêu âm ALOKA	291.732		0		x											
115	Máy siêu âm Doppler màu SSD -3500 SX Aloka	1.290.000		0		x											
116	Máy siêu âm xách tay GE100MP- Mỹ (01-06)	154.595		0		x											
117	Máy sinh hóa bán tự động	111.524		0		x											
118	Máy xét nghiệm huyết học laser tự động 28 thông số Celltac F	955.000		0		x											
119	Thiết bị chuyển màu từ bán gel sang bán Nitrocellulose (01-06)	32.765		0		x											
120	Tủ ấm 106 BK 4106 Đức	27.666		0		x											
121	Tủ ấm 108 lít BE500 Memmer - Đức (01-06)	19.734		0		x											
122	Tủ ấm 108 lít JSGI 150 Hàn quốc (01-06)	23.582		0		x											
123	Tủ ấm 108 lít JSGI 150 Hàn Quốc (01-06)	23.582		0		x											
124	Tủ ấm CO ₂ 170 lít Sanyo Nhật	57.679		0		x											
125	Tủ ấm Co2 Sanyo (EC)	58.000		0	7	x											
126	Tủ ấm Fisher 1258	37.000		0		x											

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ kế toán (nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (nghì đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Than h lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
127	Tủ cấy khuẩn Mode AC2 - 4E1	120.000		0		x											
128	Tủ hút khí độc EFH-4A1 ESCO	258.000		0		x											
129	Tủ lạnh dạng nằm -30 độ C 250 lít MDF U3 Sanyo Nhật (01-06)	31.061		0		x											
130	Tủ lạnh sâu -85 độ Sanyo (EC)	118.064		0		x											
131	Tủ nuôi cấy vi sinh Jouan	106.510		0		x											
132	Tủ nuôi cấy vi sinh Telstar BIO A Tây ban Nha (01-06)	121.630		0		x											
133	Tủ nuôi cấy vi sinh Telstar BIO II tây ban nha (01-06)	121.630		0		x											
134	Tủ sấy 105 lít TK/L 4105 Đức	31.015		0		x											
135	Tủ sấy 125 lít JSOF 150 Hàn Quốc (01-06)	22.657		0		x											
136	Tủ sấy 125 lít JSOF Hàn Quốc (01-06)	22.658		0		x											
137	Tủ sấy 125 lít, XU 125 200 pháp (01-06)	35.258		0		x											
138	Tủ sấy Etuvet; Mod: XY 125 (pháp) -KT	28.469		0		x											
139	Tủ sấy Fisher 175 Uv	40.500		0		x											
140	Tủ sấy Lenton -128 (Welland)	34.436		0		x											
141	Tủ sấy Lenton -128 lít (Welland)	34.436		0		x											
142	Tủ tiệt trùng Hirayma HV 85	88.500		0		x											
	Tổng cộng	15.055		0								51.100	51.100		9.997		

NGƯỜI LẬP BIỂU

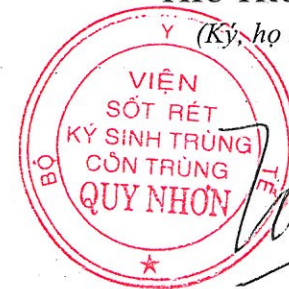
(Ký, họ tên)


Phạm Thị Trà

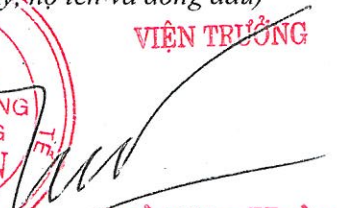
Bình Định, ngày tháng 02 năm 2020

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



VIỆN TRƯỞNG


Hồ Văn Hoàng